

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RC6+RC3	7:25	22+0+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
2		TD3+PPD+P9	7:25	6+16+0	0+0+0		0+10+12	0+0+0	chuyen1 td3-ppd
3		TD2+RCDM+CTC1	7:25	22+0+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	
4		VSP02+PPD+P4	9:25	6+12+3	0+0+0		1+16+5	0+0+0	chuyen 2 ppd-p4
5		TD2+CLO+BK3	9:25	10+1+9	0+0+0		0+4+8	0+0+0	
6		P9+RP3+RC10	10:30	3+9+5	0+0+0		3+10+9	0+0+0	chuyen 5 p9-rp3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ RP3-5 người đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/11/2023	TO: RP3 - RC6 - RC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV SERGEI	RP3	58	1	7		109	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	RP3	54	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SEN	RP3	45	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	62	1	5		60	KHI	Vietnamese
5	LÂM TIẾN PHI	RP3	53	1	5		84	KHI	Vietnamese
6	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	50	1	3		62	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	63	1	4		59	KHI	Vietnamese
8	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	64-65	2	7		57	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	44	1	10		75	KHI	Vietnamese
10	PANKRATOV R.E	RP3	60	1	10		90	KHI	Russian
11	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	61	1	6		76	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	49	1	5		76	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	57	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	RP3					70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
15	VŨ VĂN TOÀN	RP3					75	D-HANH	Vietnamese
16	HỒ NGỌC HÙNG	RP3	55	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VĂN THỊNH	RP3	59	1	5		72	NIPI	Vietnamese
18	TRẦN KHOA TRƯỞNG	RP3	56	1	3		80	NIPI	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC THÀNH	RP3	47	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT MINH	RP3	51-52	2	13		64	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM XUAN HUY	RP3	48	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN SƠN	RP3	43	1			57	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

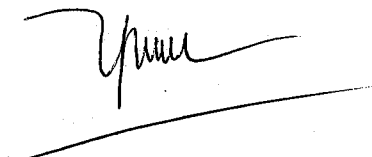
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	22	110	1.578	0	15		
2	RC6	0	0	0	0	50	5		
3	RC3	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	22	110	1.578	90	22		
WEIGHT KG				110	1.578	90			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

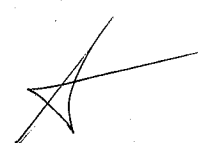
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/11/2023	TO: TD3 - PPD - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHải - ĐỨC - DSon	ETA: 09:30
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAO TIEN THANH	TD3	17-18	2	15		80	PVDWS	Vietnamese
2	TRAN VAN HUNG	TD3	14	1	16		71	PVDWS	Vietnamese
3	TRAN XUAN NHAT	TD3	15	1	7		63	PVDWS	Vietnamese
4	TRAN VAN HOAN	TD3	16	1	10		67	PVDWS	Vietnamese
5	HA VIET HUNG	TD3	12	1	12		66	PVDWS	Vietnamese
6	DINH QUANG HUY	TD3	13	1	9		60	PVDWS	Vietnamese
7	DO CHUNG KIEN	PPD	56	1	3		60	KHI	Vietnamese
8	VU THANH BINH	PPD	60	1	5		83	KHI	Vietnamese
9	PHAN VAN TUNG	PPD	72	1	9		83	KHI	Vietnamese
10	TRAN VAN DUNG	PPD	65	1	2		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TA	PPD	61	1	2		70	KHI	Vietnamese
12	DO NGOC TAN	PPD	63	1	10		77	KHI	Vietnamese
13	TRAN LE RANG	PPD	62	1	5		83	KHI	Vietnamese
14	PHAM TAI	PPD	57	1	9		73	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	55	1	3		63	KHI	Vietnamese
16	KOLESNIK A.Y	PPD	71	1	10		105	KHI	Russian
17	NGUYEN HUU THAO	PPD	66	1	4		77	KHI	Vietnamese
18	LE MINH PHUNG	PPD	64	1	4	57	80	KHI	Vietnamese
19	TRINH QUOC THANH	PPD	58-59	2	10		101	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	69-70	2	9		85	KHI	Vietnamese
21	PHAM HAI QUANG	PPD	67	1	4		75	KHI	Vietnamese
22	DO VAN THANH	PPD	68	1	6		84	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	7	69	407	0	0	4	CHUYEN 1 PAX TD3 - PPD
2	PPD	16	18	95	1.264	57	10		
3	P9	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		22	25	164	1.671	57	22		
WEIGHT KG				164	1.671	57			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD2 - RCDM - CTC1	CREW: KHOAN - ĐNam - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

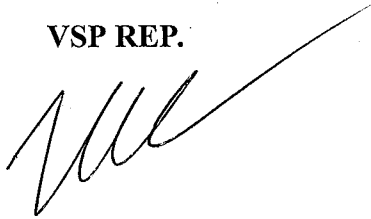
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG CUÔNG	TD2	41	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH ANH	TD2	46	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN BẮC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	36-37	2	11		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGÔ VĂN HUY	TD2	34-35	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN SY HIÊU	TD2	45	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẠO QUANG DUNG	TD2	33	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ QUANG HUNG	TD2	49	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH GIANG	TD2	44	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	TD2	29	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2	30-31	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
12	REZNIKOV V	TD2	56-57	2	15		96	AY CII	Russian
13	KRAPIVKA V	TD2	52	1	6		92	XNKT	Russian
14	GILEMKHANOV R	TD2	50	1	5		84	KHOAN	Russian
15	HOÀNG MINH SƠN	TD2	32	1	12		74	ANTOAN	Vietnamese
16	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	51	1	10	40	77	DVL	Vietnamese
17	USATENKO DMITRII	TD2	28	1	12		99	DVL	Russian
18	NGUYỄN VĂN LỢI	TD2	47-48	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
19	LÂM HỮU TUNG	TD2	42-43	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LỘC	TD2	40	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN BẾN	TD2	38-39	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	27	215	1.599	40	15		
2	RCDM	0	0	0	0	18	4		
3	CTC1	0	0	0	0	28	3		
TOTAL		21	27	215	1.599	86	22		
WEIGHT KG				215	1.599	86			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: VSP02 - PPD - P4	CREW: Linh - N.ANH - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

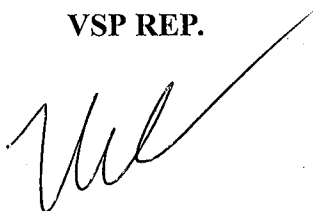
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HIẾU	VSP02	73	1	3	10	60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TUẤN	VSP02	72	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	GEFTMAN	VSP02	62	1	5		105	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN THỊ NGÂN ANH	VSP02	41	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
5	BEZBORODOVA	VSP02	63	1	5		83	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	40	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	48	1	6	60	82	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	47	1	10		65	KHI	Vietnamese
9	BUI THANH	PPD	43	1	2		64	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TẤT KHÁNH	PPD	44	1	7	18	66	KHI	Vietnamese
11	HỒ VĂN ĐẠT	PPD	41	1	7		75	KHI	Vietnamese
12	HOANG MINH CẢNH	PPD	39-40	2	17		62	KHI	Vietnamese
13	HOANG CÔNG ĐỨC	PPD	38	1	11		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NHẬT	PPD	42	1	9		76	KHI	Vietnamese
15	BUI CAO THANH	PPD	37	1	7		85	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MAI	PPD	32	1	6		70	KHI	Vietnamese
17	TRỊNH QUANG HUY	PPD	36	1	9		69	NIPI	Vietnamese
18	PHẠM VĂN GIANG	PPD	49	1	3		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	37	1	4		72	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	38	1	5		75	KHI	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN AI	P4	44	1	4	23	62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

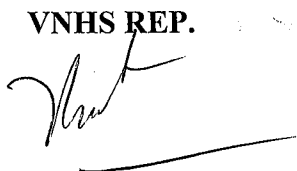
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	6	6	25	423	10	1		CHUYEN 2 PAX PPD-P4
2	PPD	12	13	94	839	78	16	2	
3	P4	3	3	13	209	23	5		
TOTAL		21	22	132	1.471	111	22		
WEIGHT KG				132	1.471	111			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/11/2023	TO: TD2 - CLO - BK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:57
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHải - ĐỨC - DSon	ETA: 11:50
CAM-2			

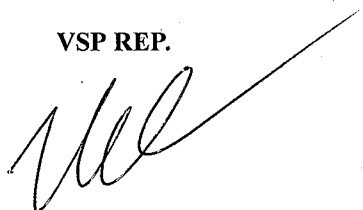
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỒNG HOÀNG ĐỨC	TD2	64-65	2	15	21	74	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN CHÍ THÀNH	TD2	69-70	2	16		55	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	TD2	62	1	11	20	86	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ MINH KHÁNH	TD2	71-72	2	16		86	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	TD2	58	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HÙNG	TD2	66	1	14		80	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG QUYÊN	TD2	60-61	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN THẮNG	TD2	74-75	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	TD2	67-68	2	16		83	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VĂN TUẤN TỰ	TD2	59	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	BUI VĂN TUYẾN	CLO	73	1	11		53	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK3	60-61	2	14		61	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN HỒNG QUÂN	BK3	19-20	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRỊNH HỒNG SƠN	BK3	13-14	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TRINH	BK3	10	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC DƯƠNG	BK3	416-417	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH TIẾN	BK3	15-16	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN NAM ĐỊNH	BK3	08-09	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN QUÂN	BK3	17-18	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TIẾN	BK3	11-12	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

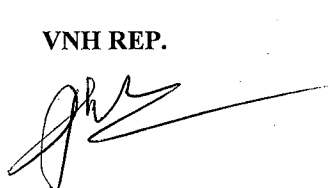
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	10	16	146	742	41	0		
2	CLO	1	1	11	53	0	4		
3	BK3	9	17	143	598	0	8		
TOTAL		20	34	300	1.393	41	12		
WEIGHT KG				300	1.393	41			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

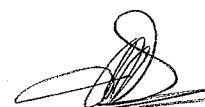
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:30
FLIGHT:	TO: P9 - RP3 - RC10	CREW: KHOÀN - ĐNam - NNam	ETA: 12:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH HIỆU	P9	69-72	4	17		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TỰ ĐỘ	P9	68	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	P9	67	1	7		60	PSV	Vietnamese
4	TRAN THIEN PHUOC	P9	74	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HAI HA	P9	63	1	12		66	DUYLINH	Vietnamese
6	LE DINH HUNG	P9	65-66	2	18		48	DUYLINH	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HA	P9	73	1	16		61	DUYLINH	Vietnamese
8	TRAN DUY PHUONG	P9	64	1	10		72	DUYLINH	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC DỤC	RP3	70	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG TRUNG HIỆU	RP3	71-72	2	10	87	74	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN LÊN	RP3	73	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN DUY TÂN	RP3	74-75	2	9		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LẬP	RP3					62	KHI	Vietnamese
14	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	68-69	2	10		66	KHI	Vietnamese
15	PHẠM BÌNH NAM	RP3	66-67	2	10		63	KHI	Vietnamese
16	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	78-79	2	19		73	KHI	Vietnamese
17	PHAN ANH KHANG	RP3	76-77	2	16		68	KHI	Vietnamese
18	LÊ VĂN THĂNG	RC10	49	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG HOE	RC10	51-52	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO ĐÌNH CUÔNG	RC10	48	1	16		78	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁC QUY	RC10	50	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	8	12	99	522	0	34	5	CHUYEN 5 PAX P9-RP3
2	RP3	9	14	85	599	87	10		
3	RC10	4	5	52	287	0	9		
TOTAL		21	31	236	1.408	87	22		
WEIGHT KG				236	1.408	87			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+P7+P3	7:25	14+5+1	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
2		MRM+CTK3	7:25	17+2	0+0		17+5	0+0	
3		TD3+TD5-P8	9:25	6+16+0	0+0+0		2+19+1	0+0+0	
4		RCS-RP1-TD3	9:25	4-0+18	0		1+2+19	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: MRM - P7 - P3	CREW: HUNG - M.Đức - Vũ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DEREVYANKO ARTEM	MRM	64	1	12		80	AMNGR	Russian
2	KOTIKOV ALEXEY	MRM	62	1	12		105	AMNGR	Russian
3	BOYCHUK VALERY	MRM	69	1	10		67	AMNGR	Russian
4	FILATOV SERGEY	MRM	26	1	10		72	AMNGR	Russian
5	CHAGOVETS ALEKSANDR	MRM	72	1	16		78	AMNGR	Russian
6	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	63	1	15		88	AMNGR	Russian
7	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	74	1	10		70	AMNGR	Russian
8	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	73	1	10		72	AMNGR	Russian
9	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	66	1	12		130	AMNGR	Russian
10	KARNIUKHIN VITALII	MRM	68	1	14		70	AMNGR	Russian
11	SACHOK VALERII	MRM	67	1	12		84	AMNGR	Russian
12	ZHIGALO ARTUR	MRM	65,71	2	12		84	AMNGR	Russian
13	LE ANH SON	MRM	70	1	5		68	DMC-MI	Vietnamese
14	NGUYEN THE HANH	P7	77	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN TRONG SON	P7	80	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	VU VAN LINH	P7	78-79	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUY TAI	P7	76	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN CAN	P7	75	1	5		66	PSV	Vietnamese
19	PHAM VAN TUAN	P3	03-04	2	12		60	BIEN DON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

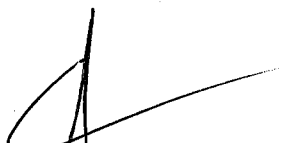
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	14	150	1.068	0	14		
2	P7	5	6	51	339	0	0		
3	P3	1	2	12	60	0	8		
TOTAL		19	22	213	1.467	0	22		
WEIGHT KG				213	1.467	0			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2023	TO: MRM - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHai - ĐỨC - DSon	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUNG QUAN	MRM	56	1	10		71	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG LONG	MRM	57-58	2	16		75	KHOAN	Vietnamese
3	OLESHKEVICH DMITRII	MRM	75	1	12		106	AMNGR	Russian
4	KRASNOV ARTEM	MRM	67-68	2	18		81	AMNGR	Russian
5	ZAKHAROV ALEKSEI	MRM	71-72	2	20		80	AMNGR	Russian
6	SEменов VASILII	MRM	76	1	5		85	AMNGR	Russian
7	KADATOV MIKHAIL	MRM	73-74	2	17		75	AMNGR	Russian
8	FILATOV SERGEY	MRM	70	1	15		110	AMNGR	Russian
9	CHERNIAEV KIRILL	MRM	65-66	2	15		80	AMNGR	Russian
10	PIMAKIN OLEG	MRM	69	1	5		119	AMNGR	Russian
11	ILMENTEV ANDREI	MRM	77	1	15		54	AMNGR	Russian
12	DMITRII KONDRATOV	MRM	54	1	9	18	115	HALLIBUR	Russian
13	LY NHAT TRUONG	MRM	64	1	20		80	DVL	Vietnamese
14	LUONG MANH HAI	MRM	59	1	5	30	74	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC NINH	MRM				30	72	DVL	Vietnamese
16	PHAM QUANG TRUNG	MRM	61	1	20		82	DVL	Vietnamese
17	VO XUAN TUAN	MRM	52-53	2	16		79	DVL	Vietnamese
18	KRAMARENKO V.V.	CTK3				43	77	ПДНГ	Russian
19	SHEREMETIEV A.V.	CTK3	78	1	8		77	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

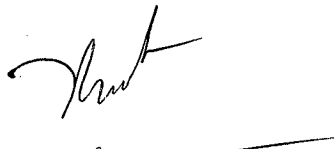
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	17	22	218	1.438	78	17		
2	CTK3	2	1	8	154	43	5		
TOTAL		19	23	226	1.592	121	22		
WEIGHT KG				226	1.592	121			

GRAND TOAL: 1.939 KGS

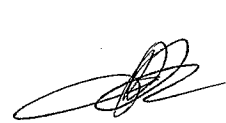
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD3 - TD5 - P8	CREW: HUNG - M.Đức - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

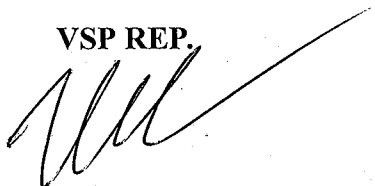
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD3	22	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
2	OLEINIK IVAN	TD3	21	1	5		76	KHOAN	Russian
3	HA VAN TRUONG	TD3	26	1	10	80	67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN HUNG CUONG	TD3	19-20	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
5	STARZHINSKII E	TD3	85	1	6		103	KHOAN	Russian
6	HO SY THANH	TD3	29	1	5		60	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	74	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VIỆT PHƯƠNG	TD5	76	1	15		92	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TÂN TAI	TD5	81	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	BÀO NGUYỄN LỘC	TD5	72	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	DUƠNG QUỐC CÔNG	TD5	78-79	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN ANH	TD5	86	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOA	TD5	73	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ LONG PHI	TD5	82	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	75	1	5	20	80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	77	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
17	TRANG NGỌC HUNG	TD5	84	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD5	85	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	BUI MẠNH PHÚC	TD5	87	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
20	LUƠNG ANH HAI	TD5	80	1	5		58	PSV	Vietnamese
21	LÊ MINH KHUÔNG	TD5	63	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	PHẠM QUANG HUY	TD5	83	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	7	50	451	80	2		
2	TD5	16	17	95	1.161	20	19		
3	P8	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	145	1.612	100	22		
WEIGHT KG				145	1.612	100			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2023	TO: RC5 - RP1 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHải - ĐỨC - DSon	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CAO TRI	RC5	58-59	2	13	60	74	XAYLAP	Vietnamese
2	HA VAN NHIEM	RC5	52	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
3	VAN TIEN DUAN	RC5	50-51	2	24		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG TUAN	RC5	53-54	2	25		80	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN HUU THO	TD3	73	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
6	CHU VAN THANG	TD3	65	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM HUNG DUONG	TD3	67	1	4		98	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MANH HUNG	TD3	77-78	2	5		71	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH AI HUU	TD3	66	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐAO TIEN THIET	TD3	68	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN ANH HUNG	TD3	74	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
12	VU TIEN DUNG	TD3	75	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
13	LE MANH THANG	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN NGHIA	TD3	72	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUNG	TD3	76	1	14		77	KHOAN	Vietnamese
16	QUACH DAC THAN	TD3	28	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	RAKHIMOV A.	TD3	82	1	6		93	D-HANH	Russian
18	LE TRUNG SON	TD3	80	1	6		75	D-HANH	Vietnamese
19	SHCHERBAKOV MAXIM	TD3	81	1	8		98	KHOAN	Russian
20	LE THANH TU	TD3	79	1	7		74	DVL	Vietnamese
21	NGO TRI HOANG	TD3	83-84	2	26		70	DVL	Vietnamese
22	LE THANH CHAU	TD3	69-71	3	13		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	7	73	294	60	1		
2	RP1	0	0	0	0	0	2		
3	TD3	18	21	127	1.342	0	19		
TOTAL		22	28	200	1.636	60	22		
WEIGHT KG				200	1.636	60			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN